

Số: 775 /QĐ-ĐHDK

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 03 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa I,
đại học hệ chính quy năm 2016**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 298/QĐ-ĐHDK ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 về Ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-ĐHDK ngày 19/7/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét Tốt nghiệp đại học hệ Chính quy năm 2016;

Căn cứ Biên bản họp xét tốt nghiệp năm 2016, ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Căn cứ Tờ trình số 101/TTr-ĐT ngày 03/8/2016 của Trưởng Phòng Đào tạo về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa I, đại học hệ chính quy, năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư đại học hệ chính quy, năm 2016 cho 111 sinh viên khóa I. Trong đó:

Xếp loại giỏi: 19 sinh viên

Xếp loại khá: 85 sinh viên

Xếp loại Trung bình khá: 07 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng khoa Dầu khí, GVCN/CVHT các Lớp và các sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ou*

- Như điều 3;
- CTHĐT (để b/c);
- BGH (e-copy);
- Các đơn vị (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Minh Quốc Bình

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016

(Đính kèm Quyết định số 75/QĐ-ĐHDK ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TBCTL		Xếp loại TN	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4			
01	01PET110186	Dương Tiến Trung	Nam	30/01/1993	K1KKT	8.54	3.55	Giỏi	Xuất sắc	
02	01GEO110047	Nguyễn Văn Tú	Nam	25/10/1993	K1DVD	8.46	3.47	Giỏi	Xuất sắc	
03	01PET110162	Lâm Đức Huy	Nam	24/07/1993	K1KKT	8.44	3.47	Giỏi	Tốt	
04	01GEO110025	Nguyễn Huyền Anh	Nam	01/10/1993	K1DVD	8.37	3.44	Giỏi	Xuất sắc	
05	01PET110171	Dương Cao Nguyễn	Nam	16/02/1993	K1KKT	8.34	3.42	Giỏi	Tốt	
06	01PET110167	Vũ Văn Long	Nam	01/01/1993	K1KKT	8.33	3.42	Giỏi	Xuất sắc	
07	01PET110183	Nguyễn Văn Thu	Nam	15/07/1993	K1KKT	8.23	3.36	Giỏi	Xuất sắc	
08	01PET110168	Trần Công Minh	Nam	02/12/1993	K1KKT	8.22	3.42	Giỏi	Xuất sắc	
09	01PPR110031	Trần Thị Thủy Tiên	Nữ	30/10/1993	K1LHD	8.22	3.37	Giỏi	Xuất sắc	
10	01PET110174	Trần Phương	Nam	07/02/1993	K1KKT	8.11	3.31	Giỏi	Tốt	
11	01PET110152	Nguyễn Xuân Tân Bình	Nam	27/07/1993	K1KKT	8.10	3.30	Giỏi	Tốt	
12	01PET110164	Nguyễn Quang Khải	Nam	18/03/1993	K1KKT	8.10	3.32	Giỏi	Xuất sắc	
13	01PET110187	Trần Xuân Trường	Nam	16/12/1990	K1KKT	8.10	3.30	Giỏi	Tốt	
14	01GEO110010	Phùng Thị Huệ	Nữ	01/07/1993	K1DCD	8.08	3.32	Giỏi	Xuất sắc	
15	01PET110188	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	27/07/1993	K1KKT	8.08	3.30	Giỏi	Tốt	
16	01GEO110030	Trần Minh Đức	Nam	20/09/1991	K1DVD	8.03	3.27	Giỏi	Tốt	
17	01PPR110017	Châu Anh Khoa	Nam	17/04/1993	K1LHD	8.03	3.28	Giỏi	Xuất sắc	
18	01PPR110005	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	04/01/1993	K1LHD	8.00	3.26	Giỏi	Tốt	
19	01PPR110027	Nguyễn Nhật Sang	Nam	12/01/1993	K1LHD	8.00	3.26	Giỏi	Tốt	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TBCTL		Xếp loại TN	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú	
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4				
20	01GEO110046	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	22/01/1993	K1DVID	7.95	3.23	Khá	Xuất sắc	
21	01PET110166	Nguyễn Bá Hoàng	Linh	Nam	19/04/1993	K1KKT	7.94	3.25	Khá	Tốt	
22	01PET110190	Vũ Xuân	Văn	Nam	07/01/1993	K1KKT	7.91	3.21	Khá	Tốt	
23	01PPR110030	Tổng Thị	Thom	Nam	08/08/1993	K1LHD	7.89	3.19	Khá	Xuất sắc	
24	01PPR110033	Lê Quốc	Tuấn	Nam	14/02/1993	K1LHD	7.89	3.20	Khá	Xuất sắc	
25	01GEO110039	Trần Lê Quốc	Nam	Nam	24/08/1993	K1DVID	7.88	3.17	Khá	Xuất sắc	
26	01PPR110029	Nguyễn Thành	Tài	Nam	08/08/1993	K1LHD	7.88	3.21	Khá	Xuất sắc	
27	01PET110189	Bùi Việt	Tuấn	Nam	20/02/1993	K1KKT	7.88	3.18	Khá	Tốt	
28	01PPR110015	Thái Khắc Như	Hội	Nam	19/05/1993	K1LHD	7.87	3.19	Khá	Tốt	
29	01PET110158	Phạm Quốc	Đô	Nam	01/12/1993	K1KKT	7.86	3.19	Khá	Xuất sắc	
30	01GEO110014	Trịnh Thị Cẩm	Nhung	Nữ	09/06/1993	K1DCD	7.86	3.23	Khá	Xuất sắc	
31	01GEO110041	Đào Trọng	Nguyễn	Nam	28/04/1993	K1DVID	7.85	3.09	Khá	Tốt	
32	01PET110176	Đoàn Nguyễn Minh	Son	Nam	02/10/1993	K1KKT	7.84	3.19	Khá	Tốt	
33	01PET110177	Đinh Thiện	Sỹ	Nam	25/04/1993	K1KKT	7.84	3.16	Khá	Xuất sắc	
34	01PPR110007	Nguyễn Lương Thùy	Dương	Nữ	19/04/1993	K1LHD	7.83	3.16	Khá	Tốt	
35	01GEO110022	Trần Phương	Thảo	Nữ	29/07/1993	K1DCD	7.83	3.22	Khá	Tốt	
36	01PPR110032	Phan Thanh	Toàn	Nam	17/10/1993	K1LHD	7.83	3.24	Khá	Xuất sắc	
37	01PPR110003	Lê Thanh	Đà	Nam	15/11/1993	K1LHD	7.81	3.21	Khá	Tốt	
38	01PET110182	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	22/10/1993	K1KKT	7.81	3.16	Khá	Tốt	
39	01PET110151	Phạm Quốc	Anh	Nam	21/08/1993	K1KKT	7.79	3.14	Khá	Tốt	
40	01PET110185	Lương Văn	Triển	Nam	17/07/1993	K1KKT	7.79	3.15	Khá	Tốt	
41	01PPR110013	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	19/02/1992	K1LHD	7.77	3.16	Khá	Tốt	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TBCTL		Xếp loại TN	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4			
42	01PPR110021	Võ Như Ngọc	Nữ	20/01/1993	K1LHD	7.76	3.16	Khá	Tốt	
43	01PPR110011	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Nữ	18/03/1993	K1LHD	7.75	3.15	Khá	Xuất sắc	
44	01PET110172	Hồ Tấn Phong	Nam	13/02/1993	K1KKT	7.75	3.17	Khá	Tốt	
45	01PET110159	Nguyễn Dương	Nam	14/02/1993	K1KKT	7.74	3.12	Khá	Tốt	
46	01PPR110034	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	04/02/1993	K1LHD	7.74	3.12	Khá	Tốt	
47	01PET110184	Trần Khả Tiến	Nam	06/02/1985	K1KKT	7.73	3.10	Khá	Tốt	
48	01PET110153	Đỗ Nhật Bình	Nam	09/10/1993	K1KKT	7.71	3.13	Khá	Xuất sắc	
49	01PET110163	Cù Xuân Huy	Nam	10/09/1993	K1KKT	7.71	3.11	Khá	Tốt	
50	01GEO110005	Lê Thị Thu Hà	Nữ	20/06/1993	K1DCD	7.70	3.13	Khá	Tốt	
51	01PPR110023	Dương Văn Nhứt	Nam	18/08/1993	K1LHD	7.70	3.14	Khá	Xuất sắc	
52	01PET110154	Bùi Như Bình	Nam	04/04/1993	K1KKT	7.69	3.10	Khá	Tốt	
53	01GEO110012	Tạ Nhật Linh	Nam	21/11/1993	K1DCD	7.69	3.14	Khá	Tốt	
54	01GEO110038	Lê Hoàng Long	Nam	28/10/1993	K1DVD	7.69	3.11	Khá	Xuất sắc	
55	01PET110170	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	15/07/1993	K1KKT	7.69	3.13	Khá	Tốt	
56	01PET110169	Nguyễn Duy Minh	Nam	28/07/1993	K1KKT	7.68	3.11	Khá	Tốt	
57	01PPR110037	Nguyễn Hạnh Vinh	Nữ	22/07/1993	K1LHD	7.68	3.13	Khá	Tốt	
58	01PPR110040	Trần Phương Ý	Nữ	16/07/1993	K1LHD	7.68	3.10	Khá	Xuất sắc	
59	01GEO110017	Phạm Thị Ngọc Quyền	Nữ	10/01/1993	K1DCD	7.67	3.08	Khá	Tốt	
60	01GEO110037	Trịnh Xuân Linh	Nam	19/03/1993	K1DVD	7.65	3.07	Khá	Tốt	
61	01GEO110004	Nguyễn Bá Duy	Nam	09/02/1993	K1DCD	7.63	3.09	Khá	Tốt	
62	01PPR110020	Trần Thị Bích Mai	Nữ	01/04/1993	K1LHD	7.63	3.06	Khá	Tốt	
63	01GEO110048	Nguyễn Tiến Thanh Tùng	Nam	27/12/1993	K1DVD	7.62	3.10	Khá	Tốt	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TBCTL		Xếp loại TN	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4			
64	01GEO110029	Nguyễn Thành Đạt	Nam	20/12/1993	K1DVD	7.61	3.07	Khá	Tốt	
65	01PPR110038	Nguyễn Văn Vũ	Nam	30/04/1993	K1LHD	7.61	3.07	Khá	Tốt	
66	01PET110173	Hồ Văn Phúc	Nam	27/10/1993	K1KKT	7.59	3.01	Khá	Tốt	
67	01GEO110026	Nguyễn Cao Bình	Nam	19/02/1993	K1DVD	7.58	3.06	Khá	Tốt	
68	01GEO110028	Hà Thúc Đăng	Nam	04/05/1993	K1DVD	7.56	3.09	Khá	Tốt	
69	01PPR110026	Phạm Lê Huyền Phương	Nữ	27/05/1993	K1LHD	7.56	3.04	Khá	Tốt	
70	01PPR110001	Lê Tú Anh	Nam	09/03/1993	K1LHD	7.55	3.03	Khá	Tốt	
71	01GEO110032	Cao Đăng Dương	Nam	06/02/1993	K1DVD	7.53	3.04	Khá	Tốt	
72	01PET110157	Phạm Văn Đạt	Nam	03/03/1993	K1KKT	7.52	3.03	Khá	Tốt	
73	01PET110156	Nguyễn Văn Danh	Nam	10/10/1993	K1KKT	7.50	2.99	Khá	Tốt	
74	01GEO110011	Phạm Xuân Hưng	Nam	20/08/1993	K1DCD	7.50	3.01	Khá	Tốt	
75	01PPR110039	Nguyễn Hữu Hoàng Vũ	Nam	02/01/1993	K1LHD	7.50	3.00	Khá	Tốt	
76	01PPR110010	Trần Trung Hiếu	Nam	12/07/1993	K1LHD	7.49	3.00	Khá	Tốt	
77	01PPR110012	Bùi Thị Hoài	Nữ	10/04/1993	K1LHD	7.49	3.01	Khá	Tốt	
78	01PPR110016	Trần Thị Xuân Hương	Nữ	20/12/1993	K1LHD	7.47	3.01	Khá	Tốt	
79	01PET110165	Hoàng Đăng Khoa	Nam	23/08/1993	K1KKT	7.44	2.99	Khá	Tốt	
80	01PPR110009	Lý Thị Hằng	Nữ	04/04/1993	K1LHD	7.43	3.01	Khá	Tốt	
81	01GEO110015	Hoàng Phách	Nam	17/05/1993	K1DCD	7.42	2.99	Khá	Tốt	
82	01PPR110024	Vũ Thị Kim Oanh	Nữ	16/12/1993	K1LHD	7.41	2.96	Khá	Tốt	
83	01PET110160	Trần Quang Hạ	Nam	03/01/1993	K1KKT	7.40	2.97	Khá	Tốt	
84	01PPR110006	Hoàng Trí Dũng	Nam	27/06/1993	K1LHD	7.39	2.96	Khá	Tốt	
85	01PPR110036	Trương Thị Út	Nữ	03/01/1993	K1LHD	7.36	2.95	Khá	Xuất sắc	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TBCTL		Xếp loại TN	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4			
86	01GEO110045	Nguyễn Việt Thuận	Nam	06/04/1993	K1DVD	7.35	2.92	Khá	Tốt	
87	01GEO110033	Mai Thị Hiên	Nữ	02/06/1992	K1DVD	7.34	2.94	Khá	Tốt	
88	01PET110178	Phan Minh Tài	Nam	01/06/1993	K1KKT	7.34	2.92	Khá	Tốt	
89	01PPR110002	Trần Ngọc Cường	Nam	04/05/1993	K1LHD	7.31	2.91	Khá	Tốt	
90	01GEO110001	Trần Thế Anh	Nam	10/06/1993	K1DCD	7.29	2.89	Khá	Tốt	
91	01GEO110002	Lâm Trọng Đức	Nam	20/09/1993	K1DCD	7.28	2.93	Khá	Tốt	
92	01PPR110019	Nguyễn Năng Lượng	Nam	26/07/1993	K1LHD	7.28	2.90	Khá	Tốt	
93	01PPR110004	Hồ Văn Diệu	Nam	14/08/1993	K1LHD	7.27	2.93	Khá	Tốt	
94	01GEO110016	Lê Hải Quang	Nam	27/12/1992	K1DCD	7.27	2.90	Khá	Tốt	
95	01PET110179	Đặng Tấn Thành Tài	Nam	20/01/1993	K1KKT	7.27	2.90	Khá	Tốt	
96	01PPR110022	Nguyễn Nhất	Nam	01/01/1993	K1LHD	7.26	2.91	Khá	Tốt	
97	01GEO110034	Hoàng Văn Học	Nam	01/10/1993	K1DVD	7.25	2.92	Khá	Tốt	
98	01GEO110013	Nguyễn Văn Bảo Ngọc	Nam	11/05/1993	K1DCD	7.24	2.88	Khá	Tốt	
99	01PPR110025	Lê Duy Phú	Nam	05/02/1993	K1LHD	7.18	2.86	Khá	Xuất sắc	
100	01PPR110008	Nguyễn Thanh Hà	Nam	16/05/1993	K1LHD	7.17	2.87	Khá	Tốt	
101	01PPR110014	Trần Đình Hoàng	Nam	28/05/1992	K1LHD	7.15	2.81	Khá	Tốt	
102	01PET110180	Võ Minh Tân	Nam	10/08/1992	K1KKT	7.14	2.84	Khá	Khá	
103	01GEO110040	Phan Đình Nguyễn	Nam	23/10/1991	K1DVD	7.10	2.80	Khá	Tốt	
104	01PET110161	Trần Trung Hiếu	Nam	27/10/1993	K1KKT	7.09	2.81	Khá	Tốt	
105	01PET110155	Thân Văn Hoàng Chung	Nam	08/05/1993	K1KKT	6.97	2.74	TB Khá	Tốt	
106	01GEO110023	Nguyễn Văn Thơ	Nam	04/12/1992	K1DCD	6.92	2.74	TB Khá	Tốt	
107	01GEO110019	Nguyễn Thanh Tân	Nam	11/11/1993	K1DCD	6.90	2.70	TB Khá	Tốt	

10/10/2023

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TBCTL		Xếp loại TN	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4			
108	01PET110181	Đỗ Lê Ngọc Thăng	Nam	10/10/1993	KIKKT	6.88	2.73	TB Khá	Tốt	
109	01GEO110042	Đỗ Minh Sang	Nam	14/08/1993	KIDVD	6.87	2.70	TB Khá	Tốt	
110	01PET110175	Nguyễn Văn Phương	Nam	15/07/1991	KIKKT	6.85	2.72	TB Khá	Khá	
111	01GEO110020	Dương Hoàng Nhật Thanh	Nam	20/09/1993	K1DCD	6.85	2.73	TB Khá	Tốt	